

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST

Ngày: 05-4-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Phùng Văn Long

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Số 108 THĐ, phường CN, quận HK, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Trần Minh B – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Đặng Văn T – Chức vụ: Nhân viên quản lý nợ có vấn đề.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/9/2021)

- Bị đơn: 1/ Mai Văn P, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp T, xã ĐH, huyện CT, tỉnh TG.

2/ **Trần Thị Hồng L**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: ấp T, xã ĐH, huyện CT, tỉnh TG.

(Anh T có mặt; anh P và chị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/7/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần A và anh Mai Văn P ký kết hợp đồng thẻ tín dụng số 138, theo đó căn cứ vào mức thu nhập của anh P, Ngân hàng đồng ý cấp cho anh P thẻ tín dụng với hạn mức là 30.000.000đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 13/7/2018 đến ngày 13/7/2023, lãi suất thả nổi tại thời điểm ký hợp đồng là 18,0%/năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, thời hạn cho vay là trả định kỳ hàng tháng trước ngày 26 tây. Quá trình thực hiện hợp đồng anh P đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ nên vào ngày 06/7/2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 01/3/2022 anh P còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là 30.000.000đồng, tiền lãi là 2.734.138đồng.

Ngày 25/12/2020 Ngân hàng thương mại cổ phần A và anh Mai Văn P, chị Trần Thị Hồng L ký kết hợp đồng tín dụng số 1396/2020-HĐCVHM/NHCT762, theo đó anh P vay của Ngân hàng số tiền là 4.550.000.000đồng, trong đó khoản nợ giải ngân theo các giấy nhận nợ số 01 ngày 25/12/2020 số tiền là 2.000.000.000đồng; số 02 ngày 24/3/2021 số tiền là 250.000.000đồng; số 03 ngày 26/3/2021 số tiền là 200.000.000đồng; số 04 ngày 02/4/2021 số tiền là 300.000.000đồng; số 05 ngày 14/5/2021 số tiền là 350.000.000đồng và dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 1207/2020-HĐCVHM/ NHCT762 ngày 08/6/2020 chuyển sang, khoản nợ giải ngân theo các giấy nhận nợ của Hợp đồng này là giấy nhận nợ số 02 ngày 10/7/2020 số tiền là 100.000.000đồng; số 03 ngày 27/8/2020 số tiền là 1.000.000.000đồng; số 04 ngày 09/12/2020 số tiền là 350.000.000đồng. Mục đích vay là kinh doanh gạo các loại, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không được quá 06 tháng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 25/12/2020 đến ngày 25/12/2021, lãi suất thả nổi tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng anh P và chị L đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 845.364.105đồng (trong đó: nợ gốc là 700.000.000đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/7/2021 là 145.364.105đồng). Từ ngày 06/7/2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ các khoản nợ sang nợ quá hạn, số nợ gốc anh P và chị L còn nợ Ngân hàng chưa thanh toán là 3.850.000.000đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số 1396/2020-HĐCVHM/NHCT762 là quyền sử dụng đất diện tích 2.077m², thửa đất số 1964, tờ bản đồ số 01 loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh TG, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00343 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 05/3/2011 theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 207/2020/HĐBĐ/NHCT762 ngày 26/8/2020 và quyền sử dụng đất diện tích 6.215m², thửa đất số 544, tờ bản đồ số 03, loại đất T+Q, tại ấp T1, xã LĐ, huyện CT, tỉnh TG, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02173 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 06/4/2000 theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 396/2020/HĐBĐ/ NHCT762 ngày 25/12/2020.

Hiện tại cả hai khoản nợ vay trên đã quá hạn, Ngân hàng đã tạo điều kiện cho bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn không thực hiện. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu anh Mai Văn P và chị Trần Thị Hồng L trả cho Ngân hàng số tiền vốn và tiền lãi của hai hợp đồng nêu trên như sau:

- Nợ gốc của hợp đồng thế tín dụng số 138 ngày 13/7/2018 là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 2.734.138đồng.

- Nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 1396/2020-HĐCVHM/NHCT762 là 3.850.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 496.607.127đồng, lãi phạt quá hạn là 231.627.180đồng (tính đến ngày 05-4-2023).

Yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã ký kết trong các hợp đồng tín dụng nêu trên trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 06-4/2023 cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 207/2020/HĐBĐ/ NHCT762 ngày 26/8/2020 và số 396/2020/HĐBĐ/NHCT762 ngày 25/12/2020 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn anh Mai Văn P và chị Trần Thị Hồng L dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn anh Mai Văn P, chị Trần Thị Hồng L trả số nợ gốc và lãi của hợp đồng thế tín dụng số 138 ngày 13/7/2018, số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 2.734.138đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là

đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. bị đơn không thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Bị đơn anh Mai Văn P và chị Trần Thị Hồng L dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] – Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ vay của Hợp đồng thế tín dụng số 138 ngày 13/7/2018 số nợ gốc là 30.000.000đồng, tiền lãi là 2.734.138đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2.2] Xét giao kết hợp đồng tín dụng vay tài sản số 1396/2020-HĐCVHM/NHCT762 ngày 25/12/2020 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với anh Mai Văn P và chị Trần Thị Hồng L, theo đó, Ngân hàng thương mại cổ phần A cho anh P, chị L vay số tiền là 4.550.000.000đồng có làm hợp đồng bằng văn bản được đại diện Ngân hàng và anh Phúc, chị Loan ký tên, có chữ ký của anh Phúc, chị Loan và đóng dấu của Ngân hàng. Song song với hợp đồng tín dụng số 396/2020-HĐCVHM/NHCT762, anh P và chị L còn ký hợp đồng thế chấp tài sản số 396/2020/HĐBĐ/NHCT762 ngày 25/12/2020 và số 207/2020/HĐBĐ/NHCT762 ngày 26/8/2020, có công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh Lương, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 2.077m², thửa đất số 1964, tờ bản đồ số 01, loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh TG, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00343 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 05/3/2011 và quyền sử dụng đất diện tích 6.215m², thửa đất số 544, tờ bản đồ số 03, loại đất T+Q, tại ấp T1, xã LĐ, huyện CT, tỉnh TG, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02173 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 06/4/2000. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Mai Văn P

và chị Trần Thị Hồng L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, nói rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ kèm theo nhưng anh P, chị L không có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với anh Mai Văn P và chị Trần Thị Hồng L là có thật.

[2.3] Xét Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu anh P, chị L phải trả số tiền vốn gốc còn nợ chưa thanh toán của hợp đồng tín dụng vay tài sản số 1396/2020-HĐCVHM/NHCT762 ngày 25/12/2020 là 3.850.000.000đồng. Xét thấy, nội dung hợp đồng tín dụng vay tài sản số 1396/2020-HĐCVHM/NHCT762 ngày 25/12/2020 có ghi rõ số tiền vay, lãi suất vay, mục đích vay, thời hạn trả nợ, quyền và nghĩa vụ của các bên và tài sản đảm bảo vốn vay là hoàn toàn tự nguyện, thể hiện qua việc anh P, chị L đồng ý ký tên vào hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh P, chị L đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ của bên vay, Ngân hàng có tạo điều kiện cho anh P, chị L trả nợ nhưng anh P, chị L vẫn không thực hiện. Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

[2.4] Xét yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn: Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu anh P, chị L thanh toán số tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/4/2023, cụ thể tiền lãi trong hạn là 496.607.127đồng, lãi phạt quá hạn là 231.627.180đồng (theo bảng kê tiền lãi ngày 05/4/2023) và kể từ ngày Tòa án xét xử, anh P, chị L phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1396/2020-HĐCVHM/NHCT762 ngày 25/12/2020 đến khi anh P, chị L trả hết số nợ cho Ngân hàng. Xét thấy, số tiền lãi mà Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu được tính theo mức lãi suất hai bên đã tự nguyện thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1396/2020-HĐCVHM/NHCT762 ngày 25/12/2020 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[2.5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 396/2020/HĐBĐ/NHCT762 ngày 25/12/2020 và số 207/2020/HĐBĐ/NHCT762 ngày 26/8/2020 anh Mai Văn P, chị Trần Thị Hồng L đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần A để đảm bảo cho các nghĩa vụ thanh toán của anh P, chị L đối với Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 1396/2020-HĐCVHM/NHCT762 ngày 25/12/2020. Xét thấy, hợp đồng thế chấp được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của

Ngân hàng thương mại cổ phần A nếu anh P, chị L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn và lãi thì phải giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần A xử lý để thu hồi nợ. Trường hợp anh P, chị L không giao tài sản thế chấp thì Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn anh Mai Văn P, chị Trần Thị Hồng L có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 317, 319, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc anh Mai Văn P và chị Trần Thị Hồng L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 4.578.234.307 đồng (Bốn tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm lẻ bảy đồng), gồm vốn gốc là 3.850.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 496.607.127đồng, tiền lãi quá hạn 231.627.180đồng (tính đến ngày 05/4/2023).

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/4/2023 anh Mai Văn P, chị Trần Thị Hồng L phải trả tiếp khoản lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1396/2020-HĐCVHM/NHCT762 ngày 25/12/2020 cho đến khi anh P, chị L trả hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Mai Văn P, chị Trần Thị Hồng L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần A

thì anh P, chị L phải giao cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 396/2020/HĐBĐ/NHCT762 ngày 25/12/2020 và số 207/2020/HĐBĐ/NHCT762 ngày 26/8/2020 là quyền sử dụng đất diện tích 2.077m², thửa đất số 1964, tờ bản đồ số 01 loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp TT, xã ĐH, huyện CT, tỉnh TG, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00343 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 05/3/2011 và quyền sử dụng đất diện tích 6.215m², thửa đất số 544, tờ bản đồ số 03, loại đất T+Q, tại ấp T1, xã LĐ, huyện CT, tỉnh TG, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02173 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 06/4/2000.

Trường hợp anh Mai Văn P, chị Trần Thị Hồng L không giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng thương mại cổ phần A trả lại cho anh Mai Văn P, chị Trần Thị Hồng L 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00343 ngày 05/3/2011 và số 02173 ngày 06/4/2000 khi anh P, chị L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc yêu cầu bị đơn anh Mai Văn P, chị Trần Thị Hồng L trả số nợ gốc là 30.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 2.734.183 đồng của hợp đồng thế tín dụng số 138 ngày 13/7/2018.

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Anh Mai Văn P và chị Trần Thị Hồng L phải chịu 112.578.234đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.075.230đồng theo biên lai thu số 0020553 ngày 10/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chinh